

Số: 1130/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ Hội Dược sĩ bệnh viện Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Dược sĩ bệnh viện Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ Dược sĩ bệnh viện Việt Nam đã được Đại hội thành lập nhiệm kỳ 2025 - 2030 của Hội thông qua ngày 10 tháng 8 năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Dược sĩ bệnh viện Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Vũ Chiến Thắng;
- Bộ Y tế (để phối hợp);
- Lưu: VT, TCPCP.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Chiến Thắng



ĐIỀU LỆ

HỘI DƯỢC SĨ BỆNH VIỆN VIỆT NAM

Kèm theo Quyết định số 1130/QĐ-BNV

ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Hội Dược sĩ bệnh viện Việt Nam;
- Tên tiếng Anh: VietNam Association of Hospital Pharmacists;
- Tên viết tắt: VAHP;
- Hội Dược sĩ bệnh viện Việt Nam có biểu tượng (logo) riêng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Dược sĩ bệnh viện Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công dân, tổ chức Việt Nam hoạt động trong chuyên ngành dược bệnh viện và liên quan chuyên ngành dược bệnh viện, tự nguyện thành lập nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết, bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động nghề nghiệp có hiệu quả, chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, góp phần vào sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

- Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
- Trụ sở của Hội đặt tại thành phố Hà Nội. Hội có thể đặt văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

- Hội hoạt động trên phạm vi toàn quốc, trong lĩnh vực chuyên ngành dược bệnh viện
- Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, sự quản lý của Bộ Y tế và các bộ, ngành khác có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

- Tự nguyện, tự quản.
- Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI

Điều 6. Quyền của Hội

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt.
2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội. Được cung cấp thông tin, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Hội.
4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội.
5. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội.
6. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cho hội viên theo quy định của pháp luật.
7. Tham gia các chương trình, dự án, đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về lĩnh vực chuyên ngành được bệnh viện, các hoạt động tư vấn, phản biện chính sách, pháp luật theo đề nghị của cơ quan nhà nước; tham gia cung cấp dịch vụ công, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
8. Thành lập và quản lý chặt chẽ tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của Hội.
9. Được tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của Hội. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tham gia tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
10. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
11. Thu hội phí của hội viên (nếu có) và hoạt động tạo nguồn thu từ kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
12. Được tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của Hội.
13. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao (nếu có).
14. Hội được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật sau khi có ý kiến thống nhất của cấp có thẩm quyền và các cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.
15. Khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

16. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội.

17. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội và Điều lệ Hội.

2. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan; hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép làm rối loạn thị trường trong nước.

3. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Hội tổ chức, hoạt động chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, Bộ Y tế và các bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

5. Tập hợp, phát triển hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội và thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

6. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Hội hoạt động, Điều lệ, quy chế, quy định của Hội và bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tới hội viên.

7. Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ; quản lý chặt chẽ hoạt động của tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định của Hội phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

8. Tuân thủ các quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ nước ngoài và các quy định pháp luật khác có liên quan; quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ, viện trợ và chịu trách nhiệm là chủ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

9. Báo cáo hồ sơ tổ chức đại hội theo quy định tại khoản 7 Điều 19 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

10. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức vụ Chủ tịch, Phó chủ tịch, Tổng thư ký, thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung điều lệ, Hội phải báo cáo Bộ Nội vụ và Bộ Y tế.

11. Báo cáo việc thành lập các tổ chức thuộc Hội với Bộ Nội vụ, Bộ Y tế và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện tổ chức, hoạt động của các tổ chức này theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

12. Hàng năm, Hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với Bộ Nội vụ, Bộ Y tế và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Hội đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện trước ngày 31 tháng 12.

Báo cáo định kỳ hàng năm được thực hiện theo Mẫu số 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

13. Báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội (nếu có) với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

14. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và điều lệ Hội.

15. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, tổ chức thuộc Hội, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội, biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Hội.

16. Kinh phí thu được theo quy định tại khoản 12, khoản 13, khoản 14 Điều 23 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội phải dành cho hoạt động Hội theo quy định của Điều lệ Hội, không được chia cho hội viên.

17. Việc sử dụng kinh phí của Hội phải chấp hành quy định của pháp luật và Điều lệ Hội đảm bảo công khai, minh bạch; nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê theo quy định của pháp luật; phải đăng ký mã số thuế và kê khai thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Hàng năm, Hội báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước gửi Bộ Nội vụ, Bộ Y tế và Bộ Tài chính. Chịu sự thanh tra, kiểm tra về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội.

18. Ban hành các quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Hội; quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội; khen thưởng, kỷ luật; quản lý hội viên; giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội; quản lý và sử dụng con dấu của Hội và các quy định khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

19. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

20. Cập nhật tình hình tổ chức, hoạt động của Hội vào cơ sở dữ liệu về hội và phối hợp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về Hội.

21. Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng, phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

22. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết, hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức:

- Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội;

- Hội viên tổ chức: tổ chức Việt Nam được thành lập theo quy định của pháp luật, có đủ tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện đăng ký tham gia Hội thì được Hội xem xét kết nạp làm

hội viên tổ chức chính thức của Hội.

b) Hội viên liên kết: tổ chức, công dân Việt Nam không có điều kiện hoặc không đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức theo khoản 2 Điều này nhưng có đóng góp cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện đăng ký tham gia Hội thì được Hội xem xét kết nạp làm hội viên liên kết của Hội.

c) Hội viên danh dự: công dân Việt Nam có uy tín trong lĩnh vực y tế chuyên ngành được tại các bệnh viện Việt Nam, có nhiều đóng góp tích cực cho ngành y và cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội thì được Hội mời làm hội viên danh dự của Hội.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên cá nhân: công dân Việt Nam có đầy đủ năng lực hành vi dân sự bao gồm: các dược sĩ chuyên ngành dược bệnh viện đã và đang công tác tại bệnh viện và những người hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành dược bệnh viện, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện đăng ký tham gia Hội được Ban Chấp hành Hội xem xét kết nạp thành hội viên chính thức của Hội;

b) Hội viên tổ chức: tổ chức Việt Nam có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật hoạt động trong lĩnh vực y tế liên quan đến chuyên ngành dược bệnh viện tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện đăng ký tham gia Hội được Ban Chấp hành Hội xem xét, kết nạp thành hội viên chính thức của Hội. Đại diện cho hội viên tổ chức tham gia Hội phải là công dân Việt Nam.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo Điều lệ và quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin cung thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết nghị các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội

5. Được giới thiệu hội viên mới, được cấp thẻ hội viên (nếu có).

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội và quy định của pháp luật.

7. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

8. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết và quyền ứng cử, đề cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Thực hiện nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ và các quy định, quy tắc của Hội; thực hiện tôn chỉ, mục đích và các chủ trương, nghị quyết của Hội.

2. Tích cực tham gia sinh hoạt, các hoạt động của Hội.
3. Đáp ứng yêu cầu của Hội về cung cấp thông tin, báo cáo.
4. Nộp hội phí (nếu có) đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội, phù hợp với quy định của pháp luật.
5. Bảo vệ uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp của Hội và các hội viên, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được Chủ tịch và Ban Chấp hành Hội phân công bằng văn bản.
6. Đoàn kết, xây dựng Hội phát triển lớn mạnh vì lợi ích hợp pháp của Hội, của các hội viên và của Nhà nước.
7. Giới thiệu hội viên mới và tăng cường quảng bá hình ảnh Hội theo quy định pháp luật và Điều lệ Hội.
8. Thực hiện các chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.
9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên
 - a) Điều kiện gia nhập Hội: tổ chức, công dân Việt Nam có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ này muốn gia nhập Hội gửi đơn, kèm theo hồ sơ, gồm:
 - Đơn xin gia nhập Hội (theo mẫu do Hội quy định);
 - Bản sao Quyết định thành lập và Quyết định cử đại diện của tổ chức là công dân Việt Nam tham gia Hội (đối với hội viên tổ chức); bản sao Sơ yếu lý lịch đối với hội viên cá nhân.
 - Tờ khai hội viên (theo mẫu do Ban Chấp hành Hội quy định).
 - b) Theo nghị quyết của Ban Chấp hành, Chủ tịch Hội ban hành quyết định kết nạp hội viên mới.
 - c) Sau khi có quyết định kết nạp, hội viên đóng hội phí theo quy định của Hội và được cấp thẻ hội viên (nếu có).
2. Thủ tục hội viên ra khỏi Hội
 - a) Hội viên tự nguyện ra khỏi Hội làm đơn gửi Ban Chấp hành Hội. Căn cứ Nghị quyết của Ban Chấp hành, Chủ tịch Hội ban hành quyết định chấm dứt tư cách hội viên.
 - b) Hội viên bị khai trừ theo Nghị quyết của Ban Chấp hành, trong các trường hợp sau:
 - Vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm Điều lệ và các quy định của Hội làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, hoạt động của Hội.
 - Đối với hội viên cá nhân: bị truy cứu trách nhiệm hình sự, tước quyền công dân theo quy định của pháp luật;
 - Đối với hội viên tổ chức: bị đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật;
 - Không đóng hội phí từ 02 (hai) năm trở lên, kể từ khi Hội thông báo nhắc lần hai, trừ trường hợp có lý do được Ban Chấp hành chấp thuận.

c) Hội viên đương nhiên không còn là hội viên của Hội trong các trường hợp sau:

- Đối với hội viên cá nhân: bị tuyên bố mất tích theo quy định pháp luật hoặc chết;

- Đối với hội viên tổ chức: Bị giải thể theo quy định của pháp luật.

d) Trước khi ra khỏi Hội, hội viên phải bàn giao công việc, tài sản, tài chính mà mình phụ trách, đang thực hiện (nếu có) cho Hội.

3. Ban Chấp hành ban hành Quy chế quy định cụ thể về kết nạp hội viên, cho hội viên ra khỏi Hội phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Các tổ chức thuộc Hội:

a) Các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Chi hội cơ sở thuộc Hội được thành lập theo quy định của Hội phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Chi hội cơ sở thuộc Hội không có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành Hội hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức của Hội đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu và hợp lệ có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức tham dự.

3. Khi triệu tập Đại hội, Ban chấp hành Hội phải công bố chương trình nghị sự của Đại hội và phải gửi thư mời hội viên ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày dự định họp Đại hội của Hội.

4. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự Đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;

b) Thông qua chương trình Đại hội, quy chế Đại hội, quy chế bầu cử;

c) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo của Hội; báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; báo cáo tài chính của Hội;

d) Thông qua Điều lệ Hội hoặc thảo luận đổi tên Hội (nếu có) thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành;

đ) Chia, tách; sáp nhập, hợp nhất (nếu có);

e) Thông qua đề án nhân sự Đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của Hội; đề cử, ứng cử vào danh sách Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;

g) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;

h) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Hội (nếu có);

i) Thông qua nghị quyết Đại hội.

5. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt Đại hội biểu quyết tán thành. Trường hợp quy định tại Điều 27 của Điều lệ này.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành do Đại hội bầu trong số hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội, các quy chế khác và quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành. Số ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định. Tổng số thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra (kể cả ủy viên Ban Chấp hành, Ban kiểm tra được bổ sung) không vượt quá số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp định kỳ 1 năm họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản hoặc thư điện tử.

đ) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội.

1. Ban Thường vụ do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành. Khi 2/3 số thành viên Ban Chấp hành Hội yêu cầu họp Ban Chấp hành thì Ban Thường vụ phải xem xét, quyết định việc họp Ban Chấp hành; trường hợp không tổ chức họp Ban Chấp hành theo yêu cầu của 2/3 số thành viên Ban Chấp hành thì phải báo cáo Ban Chấp hành và nêu rõ lý do.

c) Quyết định thành lập các tổ chức thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức thuộc Hội;

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ Hội họp 3 (ba) tháng một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Ban Thường vụ Hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ Hội quyết định;

d) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản hoặc thư điện tử.

đ) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ Hội được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ Hội biểu quyết tán thành.

4. Khi triệu tập họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phải công bố chương trình nghị sự của Ban Chấp hành và phải gửi thư mời Ủy viên Ban Chấp hành ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày dự định họp Ban Chấp hành của Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Đại hội bầu Trưởng Ban kiểm tra, Phó trưởng Ban kiểm tra (nếu có). Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và lãnh đạo Hội, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội theo quy định Điều lệ này và quy định của pháp luật.

3. Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

4. Trong quá trình hoạt động nếu có sự thay đổi, bổ sung thành viên Ban Kiểm tra, Ban Chấp hành xem xét, quyết định bầu bổ sung, miễn nhiệm Trưởng ban, Phó trưởng ban, ủy viên Ban Kiểm tra theo quy định pháp luật, Điều lệ và quy định của Hội.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là đại diện của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện:

a) Tiêu chuẩn:

- Chấp hành và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

- Có uy tín và hiểu biết về lĩnh vực Hội hoạt động;

- Có quốc tịch Việt Nam;

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích;

- Tiêu chuẩn khác do Ban Chấp hành quy định phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Điều kiện:

- Không giữ chức danh chủ tịch quá 02 hội;

- Không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc tham mưu quản lý về lĩnh vực hoạt động chính của Hội; trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Nhân sự dự kiến chủ tịch hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu phải được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Điều kiện khác do Ban Chấp hành quy định phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Hội.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;

b) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về các hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ. Khi triệu tập họp Ban Thường vụ, Chủ tịch Hội phải công bố chương trình nghị sự của Ban Thường vụ và phải gửi thư mời Ủy viên Ban Thường vụ ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày dự định họp Ban Thường vụ Hội. Trường hợp Chủ tịch Hội cố tình không triệu tập, chủ trì cuộc họp theo yêu cầu của 2/3 số thành viên Ban Thường vụ thì số thành viên Ban Thường vụ yêu cầu họp thống nhất người triệu tập, chủ trì cuộc họp Ban Thường vụ.

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch. Việc ủy quyền này phải được thực hiện bằng văn bản theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

4. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội được miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực và uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; nhân sự có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân;

b) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về việc Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội vi phạm pháp luật nghiêm trọng, Điều lệ Hội làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Hội hoặc bị Tòa án kết án có tội;

c) Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội phải đồng thời bầu Chủ tịch khác để thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội hoặc phân công người điều hành hoạt động của Hội trong thời gian chưa bầu được Chủ tịch Hội.

6. Đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị đình chỉ trong các trường hợp: bị tạm giam, tạm giữ để điều tra xét xử theo quy định của pháp luật; vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy chế, quy định của Hội;

b) Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hành vi vi phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội.

Điều 18. Tổng thư ký

1. Tổng thư ký Hội do Ban Chấp hành bầu trong số ủy viên Ban Thường vụ theo đề nghị của Chủ tịch Hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng thư ký:

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về điều hành công việc của Hội khi được Chủ tịch giao;

b) Điều hành hoạt động của Văn phòng Hội, phối hợp hoạt động với các ban chuyên môn, đơn vị Hội; chỉ đạo, chuẩn bị các nội dung các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về các hoạt động của Hội;

c) Chịu trách nhiệm về công tác kế hoạch, tổng hợp của Hội; chuẩn bị các báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

d) Được Chủ tịch ủy quyền để giải quyết, điều hành các công việc thường xuyên hàng ngày, ký văn bản do Chủ tịch Hội ủy quyền.

Điều 19. Văn phòng, ban chuyên môn, tổ chức có tư cách pháp nhân và chi hội cơ sở thuộc Hội

1. Văn phòng là bộ phận tham mưu, giúp việc Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Lãnh đạo Hội để triển khai các hoạt động của Hội. Các nhân viên Văn phòng Hội được tuyển dụng và làm việc theo chế độ hợp đồng theo quy định của Bộ luật Lao động và theo quy định của Hội.

2. Các ban chuyên môn của Hội được thành lập theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật, có nhiệm vụ đề xuất tham mưu cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và lãnh đạo Hội về hoạt động chuyên môn của Hội; hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ quy định cụ thể về nhiệm vụ, nhân sự, quy chế hoạt động của Văn phòng, các ban chuyên môn của Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

4. Căn cứ Nghị quyết của Ban chấp hành, Ban Thường vụ xem xét, quyết định thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội để thực hiện các nhiệm vụ của Hội. Hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Chi hội thuộc Hội là tổ chức không có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng được thành lập ở địa phương. Ban Thường vụ xem xét quyết định thành lập Chi hội thuộc Hội và quy định về tổ chức, hoạt động của Chi hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương V

ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 20. Đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội

Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Ban Chấp hành Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 21. Thu hồi con dấu của Hội

Việc thu hồi con dấu đối với Hội đổi tên, Hội bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) cho các nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao theo quy định của pháp luật;

- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thực hiện nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao (nếu có);
- Chi thuê trụ sở, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội:

a) Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội và các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật;

b) Việc quản lý, sử dụng tài sản của Hội thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản, tài chính, kế toán và Điều lệ của Hội. Đối với tài

sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

c) Khi hội chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì hội kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:

- Đối với tài sản của Hội là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công;

- Đối với tài sản của Hội được hình thành từ nguồn tự có của Hội thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Hội.

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội:

a) Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội;

b) Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan.

c) Ban Chấp hành Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê:

a) Hội phải tổ chức công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện, cụ thể:

- Chấp hành các quy định về chứng từ kế toán; hạch toán kế toán và các nghiệp vụ tài chính, tài sản có liên quan đến Hội;

- Mở sổ kế toán ghi chép và lưu trữ các nghiệp vụ tài chính, tài sản có liên quan đến Hội (phản ánh, theo dõi chi tiết số thu, chi tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân đóng góp, viện trợ, tài trợ và các khoản thu, chi khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội);

- Lập đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính, quyết toán năm gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội.

- Lập đầy đủ hồ sơ tài liệu chứng từ khác có liên quan theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

b) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội và cơ quan kiểm toán có thẩm quyền;

c) Cung cấp các thông tin cần thiết gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Giải quyết tài sản, tài chính khi Hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể Hội

Việc giải quyết tài sản, tài chính khi Hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể Hội thực hiện theo quy định Điều 36 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ

chức, hoạt động và quản lý hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 25. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 26. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: khiển trách, cảnh cáo, giải thể, bãi miễn tư cách hội viên.

Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Chỉ có Đại hội Hội Dược sĩ bệnh viện Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được trên 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

2. Điều lệ phải được Hội hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội phê duyệt.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này gồm 08 (tám) Chương, 28 (hai mươi tám) Điều đã được Đại hội thành lập (nhiệm kỳ 2025 - 2030) của Hội Dược sĩ bệnh viện Việt Nam thông qua ngày 10 tháng 8 năm 2025 tại thành phố Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật về hội và Điều lệ, Ban Chấp hành Hội Dược sĩ bệnh viện Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

